

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 10 - 9 - 2020

V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân

Các Thẩm phán:

Ông Huỳnh Châu Thạch

Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Huy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2020/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020 về việc “Xin ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 26/2020/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện LH bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 197/2020/QĐ-PT ngày 07/8/2020. Quyết định hoãn phiên tòa số 211/2020/QĐ-PT ngày 28/8/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị K’ B . Sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Thôn A, xã Đa Đ, huyện LH , tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Anh Đinh Công H , sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Thôn TT, xã Tân V, huyện LH , tỉnh Lâm Đồng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C Việt Nam.

Trụ sở: Tòa nhà CC, khu bán đảo LĐ, phường HL, quận HM, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th – Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng C .

Người đại diện theo ủy quyền đứng đơn khởi kiện: Ông Nguyễn Thanh

Ch - Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng C huyện LH , tỉnh Lâm Đồng. Theo văn bản ủy quyền số 7300/QĐ – NHCS ngày 19/9/2019.

Địa chỉ: Tổ dân phố ĐT, thị trấn ĐV, huyện LH , tỉnh Lâm Đồng.

Do có kháng cáo của: Chị K' B – Nguyên đơn.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa; các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn chị K' B trình bày như sau:

Giữa chị và anh H xây dựng gia đình với nhau năm 2011 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân V, huyện LH vào ngày 13/4/2011. Cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H thường xuyên nhậu nhẹt, không chịu khó làm ăn, có những lời lẽ xúc phạm, đánh đập chị. Vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng tháng 7, tháng 8/2019 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, không thể hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Công H để chị sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu K' Đình Công T, sinh ngày 14/4/2011 và cháu Đình Công B, sinh ngày 03/01/2017. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi hai con chung. Chị yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 1.000.000đồng/01 cháu/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 5/2020 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị xác định để vợ chồng anh chị tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có nợ đại lý Hiên Thành do bà Đặng Thị Kim H là chủ Đại lý, địa chỉ: Thôn TL, xã Đạ Đ, huyện LH số tiền là 55.655.000đồng; Nợ đại lý Duyên Linh do vợ chồng ông Dương Văn D, bà Đỗ Thị N làm chủ đại lý, địa chỉ: thôn Liên Trung, xã Tân Hà, huyện LH số tiền là 110.000.000đồng; Nợ ông Vũ Viết A, địa chỉ: Thôn Hà Trung, xã Tân V, huyện LH số tiền là 25.000.000đồng; Nợ anh Đinh Công H, địa chỉ: thôn Hải Hà, xã Hoài Đức, huyện LH số tiền là 50.000.000đồng; Nợ anh Dương Đình L, địa chỉ: thôn Đức Bình, xã Hoài Đức, huyện LH số tiền là 30.000.000đồng; Nợ chị K' Di, địa chỉ: thôn 1, Đam Pao, xã Đạ Đ, huyện LH số tiền là 5.000.000đồng; Nợ Ngân hàng C Việt Nam, chi nhánh Lâm Đồng, phòng giao dịch LH số tiền khoảng 20.000.000đồng tiền gốc

và tiền lãi suất; Nợ quán bà Tư Lác do bà Nguyễn Thị C làm chủ, địa chỉ: thôn Tân Hiệp, xã Tân V, huyện LH số tiền là 3.000.000đồng; Nợ bà Đỗ Thị H, địa chỉ: thôn Mỹ Đức, xã Tân V, huyện LH số tiền là 2.000.000đồng; Nợ đại lý ga Ngọc Tĩnh do bà Lê Thị Ng, địa chỉ: Thôn Tân Lập, xã Tân V, huyện LH số tiền là 700.000đồng.

Ngoài ra chị cho rằng chị có nợ riêng bà Đinh Thị V, địa chỉ: thôn 1, Đam Pao, xã Đa Đ, huyện LH số tiền là 5.000.000đồng đối với số nợ này chị đã trả cho bà Vui.

Khi ly hôn về nợ chung chị đề nghị để vợ chồng anh chị tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với số nợ Ngân hàng C Việt Nam, chi nhánh Lâm Đồng, phòng giao dịch huyện LH số tiền gốc khoảng 20.000.000đồng và tiền lãi suất thì chị yêu cầu chia đôi chị và anh H mỗi người sẽ có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ khoản nợ cho Ngân hàng.

Tại bản tự khai ngày 10/12/2019 và tại biên bản lấy lời khai ngày 10/12/2019 anh Đinh Công H trình bày: Anh và chị K' B xây dựng gia đình với nhau năm 2011 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân V, huyện LH. Cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống, chị K' B thường xuyên lừa dối anh để đi chơi, chị K' B có những mối quan hệ xã hội không được lành mạnh, mỗi lần xảy ra cãi vã là vợ anh lại bỏ đi và mang hết những tài sản của vợ chồng đi về nhà mẹ đẻ. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng anh đã trầm trọng kéo dài, thời gian sống ly thân đã lâu nên anh không còn tình cảm với vợ anh nữa. Tuy nhiên, vì các con anh còn nhỏ nên anh không muốn gia đình tan vỡ, các con anh phải khổ. Nhưng nếu anh được nuôi cháu B thì anh sẽ đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu K' Đinh Công T, sinh ngày 14/4/2011 và cháu Đinh Công B, sinh ngày 03/01/2017. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cháu B, anh đồng ý giao cháu T cho chị K' B chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh xác định để vợ chồng anh tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định ngoài số nợ vợ anh đã khai nêu trên thì vợ chồng anh có nợ của bà Nguyễn Thị Đ, địa chỉ: Thôn Tân Thành, xã Tân V, huyện LH số tiền là 300.000.000đồng; Nợ ông Nguyễn Văn O, địa chỉ: Thôn

Đức B, xã Hoài Đức, huyện LH số tiền là 10.000.000đồng ; Nợ vợ chồng ông Nguyễn Nam T, bà Lê Thị X, địa chỉ: thôn Tân Hải, xã Liên Hà, huyện LH số tiền là 8.000.000đồng.

Về nợ riêng thì anh xác định có nợ hội làng thôn Hà Trung, xã Tân V, huyện LH do ông Vũ Viết L đứng làm đại diện cho vay với số tiền là 9.000.000đồng, số tiền này không liên quan gì đến vợ anh và anh đã trả hết số tiền trên cho hội làng.

Khi ly hôn đối với số nợ chung thì anh xác định để vợ chồng anh chị tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với số nợ Ngân hàng C Việt Nam, chi nhánh Lâm Đồng, phòng giao dịch huyện LH số tiền gốc khoảng 20.000.000đồng và tiền lãi thì anh cũng đồng ý vợ chồng anh sẽ có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ cho Ngân hàng.

Tại bản tự khai ngày 23/12/2019 người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng C Việt Nam, chi nhánh tỉnh Lâm Đồng, phòng giao dịch huyện LH ông Nguyễn Thanh Chương trình bày: Căn cứ vào hồ sơ vay vốn số 6600000709523632 ngày 06/3/2017 của bà K' B và ông Đinh Công H, trú tại: Thôn Tân Thành, xã Tân V, huyện LH có vay của Ngân hàng C tổng số tiền là 20.000.000đ/01 món vay từ chương trình cho vay hộ cận nghèo. Về tài sản đảm bảo tiền vay: Cho vay tín chấp không phải thế chấp tài sản theo quy định của chính phủ (cho vay ủy thác thông qua hội cựu chiến binh xã Tân V, huyện LH).

Căn cứ vào tình hình thực tế của gia đình bà K' B và ông Đinh Công H hiện đang giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh Lâm Đồng. Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện LH kính đề nghị Tòa án nhân dân huyện LH giải quyết về số nợ mà gia đình bà K' B ông Đinh Công H đã vay của Ngân hàng trong vụ án ly hôn này. Buộc bà K' B, ông H phải hoàn trả toàn bộ số nợ vay trên cho Ngân hàng C huyện LH. Tổng số nợ gốc và tiền lãi vay tính đến ngày 19/6/2020 là 20.112.833đ, trong đó số tiền gốc là 20.000.000đ, tiền lãi suất là 112.833đ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 26/2020/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện LH đã xử:

1. Chấp nhận đơn ly hôn của chị K' B, xử cho chị K' B và anh Đinh Công H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu K' Đinh Công T, sinh ngày 14/4/2011 cho chị K' B có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục theo nguyện vọng của con; Giao con chung là Đinh Công B, sinh ngày

03/01/2017 cho anh Đinh Công H có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về nợ chung: Buộc chị K' B phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C Việt Nam, chi nhánh Lâm Đồng, phòng giao dịch huyện LH số tiền gốc là 10.000.000đ (Mười triệu đồng), tiền lãi suất tính đến ngày 19/6/2020 là 56.416đ (Năm mươi sáu ngàn bốn trăm mười sáu đồng). Tổng cộng là 10.056.416đ (Mười triệu không trăm năm mươi sáu ngàn bốn trăm mười sáu đồng).

Buộc anh Đinh Công H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C Việt Nam, chi nhánh Lâm Đồng, phòng giao dịch huyện LH số tiền gốc là 10.000.000đ (Mười triệu đồng), tiền lãi suất tính đến ngày 19/6/2020 là 56.416đ (Năm mươi sáu ngàn bốn trăm mười sáu đồng). Tổng cộng là 10.056.416đ (Mười triệu không trăm năm mươi sáu ngàn bốn trăm mười sáu đồng).

Đồng thời chị K' B, anh Đinh Công H tiếp tục chịu lãi suất phát sinh kể từ ngày 20/6/2020 theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi trả hết nợ gốc cho Ngân hàng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền đi lại, chăm sóc con chung, án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Do không đồng ý với bản án sơ thẩm, nguyên đơn chị K' B kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án giao cháu Đinh Công B, sinh ngày 03/01/2017 cho chị nuôi dưỡng, giáo dục và yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị HĐXX xem xét giao cả 02 con chung cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/01 con chung/ 1 tháng.

Bị đơn trình bày ý kiến không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giao cả 02 con chung cho chị B chăm sóc, nuôi dưỡng và buộc anh H cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị K' B và anh Đình Công H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh H là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "*Xin ly hôn*" là đúng pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân và tài sản chung, nợ chung: Sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của chị K' B về phần con chung thì thấy rằng:

Giữa chị B và anh H đều xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu K' Đình Công T, sinh ngày 14/4/2011 và cháu Đình Công B, sinh ngày 03/01/2017. Cả chị B và anh H đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Xét nguyện vọng của chị B và anh H là chính đáng. Tuy nhiên, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con.

Qua xác minh được biết hiện tại cả 02 con chung vẫn đang ở với mẹ và ông bà ngoại tại Thôn 1, xã Đa Đ, huyện LH. Cháu T hiện đang học ở trường tiểu học Đa Nung A, còn cháu B học tại nhà trẻ Thiên Ân. Hiện nay các cháu đều phát triển tốt cả về thể lực và trí tuệ. Theo nguyện vọng của cháu T hiện nay đã trên 07 tuổi mong muốn được ở với mẹ (BL 18). Còn đối với cháu B sinh ngày 03/01/2017, tính đến thời điểm Tòa án xét xử vụ án mặc dù cháu đã trên 3 tuổi nhưng vẫn rất cần có tình thương và sự chăm lo của người mẹ. Chị B hiện đang làm công nhân có thu nhập ổn định hàng tháng, đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, để đảm bảo không làm xáo trộn cuộc sống, cũng như ảnh hưởng đến sự phát triển tâm sinh lý của con chung, cần giao cả hai cháu T và B cho chị H tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con.

Tại phiên tòa hôm nay, chị B yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.000.000đ/1 con chung/tháng. Anh H xác định hiện anh đang làm phụ hồ, thu nhập ổn định mỗi tháng từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, nhưng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị B là có căn cứ và phù hợp với điều kiện thực tế của anh H. Do đó cần buộc anh Đình Công

H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.000.000đ/ 1 con chung/ tháng.

Từ những phân tích trên, cần chấp nhận kháng cáo của chị K' B , sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định.

[5] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên chị K' B không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị K' B . Sửa bản án sơ thẩm.

Xử:

1. Về con chung: Giao con chung cháu K' Đình Công T, sinh ngày 14/4/2011 và cháu Đình Công B, sinh ngày 03/01/2017 cho chị K' B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Anh Đình Công H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.000.000đ/ 1 con chung/ tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 9/2020 cho đến ngày con chung trưởng thành.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

2. Về án phí: Chị K' B phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 503.000đ án phí dân sự đối với nghĩa vụ về phần tài sản chung. Tổng cộng là 803.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số AA/2016/0007555 ngày 07/7/2020 và 300.000đ theo biên lai thu số AA/2016/0007035 ngày 03/12/2019 đều của Chi cục thi hành án dân sự huyện LH . Chị K' B còn phải nộp 203.000đ (*hai trăm lẻ ba ngàn đồng*) án phí còn thiếu.

Buộc anh Đình Công H phải chịu 503.000đ (*năm trăm lẻ ba ngàn đồng*) án phí dân sự đối với nghĩa vụ về phần tài sản chung.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh LB;
- TAND huyện LH (02);
- Phòng KTNV&THA
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Vân